

Biên Hòa, ngày 04 tháng 01 năm 2023

Số: 13/2023/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào 8, 9, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 3350/2022/TLST-VHNGĐ, ngày 07/12/2022 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Thái Hữu T, sinh năm 1987

Địa chỉ: TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

2. Bà Đào Thị T1, sinh năm 1989

Địa chỉ: TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Thái Hữu T, sinh năm 1987 và bà Đào Thị T1, sinh năm 1989 tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai vào ngày 09/4/2018, nên căn cứ Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình, xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông Thái Hữu T và bà Đào Thị T1 khai, trong quá trình vợ chồng chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hoà hợp nhau về quan điểm sống và tính cách dẫn đến thường xuyên bất hòa, không tìm được tiếng nói chung. Nhiều lần vợ chồng tìm cách để hàn gắn nhưng không có kết quả. Ông bà đã ly thân từ tháng 9/2020 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, đoàn tụ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông bà thống nhất thuận tình ly hôn

[2] Về con chung: Ông T, bà T1 xác định, vợ chồng có 01 con chung tên Thái Hữu T3, sinh ngày 19/02/2019. Ly hôn, vợ chồng thỏa thuận giao con chung cho bà T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng: Ông T, bà T1 thỏa thuận, Ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông Thái Hữu T và bà Đào Thị T1 phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 27 tháng 12 năm 2022 là thực sự tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Sự thỏa thuận của Ông T, bà T1 đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông Thái Hữu T và bà Đào Thị T1.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Thái Hữu T, sinh năm 1987 và bà Đào Thị T1, sinh năm 1989.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Thái Hữu T3, sinh ngày 19/02/2019. Ly hôn, vợ chồng thỏa thuận giao con chung cho bà T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng: Ông T, bà T1 thỏa thuận, Ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, Ông T, bà T1 có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông T (không trực tiếp nuôi con) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí: Ông Thái Hữu T và bà Đào Thị T1 mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005309 ngày 05/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tám